

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƠN THÀNH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 42/2021/HS-ST

Ngày: 26 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Loan

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Đỉnh
Ông Nguyễn Văn Khoản

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Ông Bô Đức Trọng – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2021 tại Toà án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 02/2021/HSST ngày 08 tháng 01 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2021/QĐXXST-HS ngày 22/02/2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2021/QĐHPT-HS ngày 09/3/2021 và Thông báo dời phiên tòa số 02/2021/TBDPT - HS ngày 05/4/2021 đối với bị cáo:

NGUYỄN KIM C, sinh năm 1966 tại Hà Tĩnh; Địa chỉ cư trú: tổ 3, ấp 4, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Kim H và bà Nguyễn Thị T (cả hai đã chết); vợ Lê Thị L; con có 03 người, lớn nhất sinh năm 1996 và nhỏ nhất sinh năm 2006; tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Ngày 08 tháng 7 năm 2008, bị Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xử phạt 7.000.000 đồng về hành vi “Đánh bạc” theo Bản án hình sự sơ thẩm số 42/2008/HSST. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/7/2020 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1974; Địa chỉ cư trú: Tổ 6, khu phố 3, thị trấn C1, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Trần Tấn H1, sinh năm 1965; Địa chỉ cư trú: Tổ 5, ấp 1, xã M1, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

2. Ông Thái Ngọc H2, sinh năm 1966; Địa chỉ cư trú: Tổ 1, khu phố 5, thị trấn C1, huyện C, tỉnh Bình Phước. (Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 5 năm 2020, ông Lê Văn T1 mở cơ sở kinh doanh “Mỹ Duyên” tại địa chỉ: Tổ 6, khu phố 3, thị trấn C1, huyện Chơn Thành để kinh doanh lưu trú (nhà trọ). Ngày 08 tháng 5 năm 2020, cơ sở được Phòng Tài chính – Kế hoạch huyện Chơn Thành cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và ngày 14/5/2020 được Chi cục thuế huyện Chơn Thành cấp Giấy chứng nhận đăng ký thuế.

Để thực hiện nghĩa vụ thuế đối với nhà nước, khoảng 10 giờ ngày 18 tháng 5 năm 2020, Lê Văn T1 đến Chi cục thuế huyện Chơn Thành nhận mã số thuế và làm thủ tục kê khai thuế. Sau khi nhận mã số thuế tại bộ phận trả kết quả, ông T1 đến đội thuế liên xã – thị trấn để làm thủ tục khai thuế thì gặp có 03 cán bộ của đội thuế liên xã gồm: NGUYỄN KIM C; Trần Tấn H1; Thái Ngọc H2. H2 hỏi ông T1 đi đâu, làm gì thì ông T1 trả lời đến để kê khai nộp thuế. Sau khi được ông T1 trả lời thì H2 biết cơ sở kinh doanh có địa điểm tại thị trấn C1 thuộc địa bàn Hoàng phụ trách. Lúc này, Hoàng đang làm hồ sơ thống kê nên H2 nói ông T1 ngồi ghế chờ. Thấy ông T1 ngồi chờ lâu, H2 nói C tiếp nhận hồ sơ của ông T1 thay H1. Sau đó, T1 cung cấp Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, Giấy chứng nhận đăng ký thuế và thông tin về cơ sở kinh doanh “Mỹ Duyên” với nội dung quy mô 7 phòng trọ, doanh thu ước khoảng 3.600.000 đồng/tháng, 43.200.000 đồng/năm. Từ thông tin này, C ghi thông tin vào tờ khai lệ phí môn bài, tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh với nội dung “doanh thu của người nộp thuế Lê Văn T1 : 3.600.000 đồng/tháng, 43.200.000 đồng/năm” và lập bản làm việc có nội dung xác minh tại cơ sở kinh doanh về doanh thu của cơ sở kinh doanh “Mỹ Duyên”. C đưa tờ khai lệ phí môn bài, tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh cho ông T1 ký tên vào nơi ghi “chủ cơ sở ký tên”. Sau khi xem xét hồ sơ, C biết quy mô 7 phòng trọ tại thị trấn C1 thì doanh thu 1 năm dưới 100.000.000 đồng theo các quy định pháp luật về lĩnh vực thuế thì hộ ông T1 thuộc đối tượng thu nhập thấp, không phải nộp thuế. Lúc này, C nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản nên đã thông báo cho ông T1 biết đối với quy mô, ngành nghề kinh doanh của ông T1 thì mức thuế khoán phải nộp là 700.000 đồng/tháng. Tổng số thuế phải nộp đến hết năm 2020 còn 07 tháng nữa sẽ là 4.900.000 đồng. C nói với ông T1 nếu muốn được miễn thuế từ tháng 5/2020 đến hết năm 2020 thì đưa cho “anh em” số tiền 2.000.000 đồng. Ông T1 đồng ý. Do ông T1 chỉ mang theo 1.200.000 đồng (gồm 02 tờ mệnh giá 500.000 đồng/tờ và 01 tờ mệnh giá 200.000 đồng) nên ông T1 đưa cho ông C số tiền trên rồi ra về. Sau khi nhận tiền, ông C để lên bàn nơi ông Hoàng làm việc để chia cho ông H1, H2. Do không biết số tiền này là do C dùng

thủ đoạn gian dối chiếm đoạt của T1 nên ông Hoàng nói ông C gửi anh em uống cà phê. Ông C lấy lại đưa ông Hoàng 500.000 đồng, còn lại 700.000 đồng ông C cất vào ví cá nhân với mục đích tiêu xài.

Đến 15 giờ 30 phút cùng ngày, do chưa đưa đủ số tiền theo yêu cầu của ông C nên ông T1 tiếp tục đến Chi cục thuế Chơn Thành gặp C để đưa số tiền còn lại. Lúc này, trong phòng làm việc có ông Cương, ông Hoàng và ông Hùng. Ông T1 đến và đưa cho ông C 1.000.000 đồng (02 tờ giấy polime mệnh giá 500.000 đồng), thì C nhận và trả lại với số tiền thừa cho ông T1 200.000 đồng (01 tờ giấy polime mệnh giá 200.000 đồng). Sau khi đưa tiền, ông T1 hỏi nếu sau này có người đến thu thuế thì phải làm sao, C nói nếu có người đến thu thuế thì cứ gọi điện thoại cho ông C theo số điện thoại 0983.711558. Đồng thời, để ông T1 tin tưởng, C ghi và đưa ông T1 01 tờ khai lệ phí môn bài, 01 tờ khai thuế đối với cá nhân kinh doanh và 01 biên bản làm việc có nội dung xác minh tại cơ sở kinh doanh về doanh thu của cơ sở kinh doanh “Mỹ Duyên” trong đó kết luận “cơ sở Lê Văn T1 thuộc diện hộ kinh doanh thu nhập thấp do đó được miễn thuế theo luật quản lý thuế hiện hành” và đưa cho ông T1 ký tên. Sau đó, ông T1 cầm các hồ sơ C đưa và ra về. Sau khi nhận thêm tiền của ông Tín, C đưa cho Hoàng và H2 mỗi người 200.000 đồng, số tiền còn lại 400.000 đồng C cất vào ví để tiêu xài. Tổng số tiền C nhận của ông T1 là 2.000.000 đồng, số tiền này ông C đưa cho Hoàng là 700.000 đồng, H2 200.000 đồng, còn lại 1.100.000 đồng cất vào ví để tiêu xài.

Về vật chứng: Quá trình điều tra thu giữ: 01 tH2 giấy Carton bên trong chứa biên lai thu thuế (đã niêm phong); 01 tH2 giấy Carton bên trong chứa tờ khai thuế, biên bản làm việc, giấy chứng nhận đăng ký thuế (đã niêm phong) và số tiền 3.400.000 đồng. Số vật chứng trên chuyển sang chi cục thi hành án huyện Chơn Thành để quản lý theo quy định.

Bản cáo trạng số 12/Ctr-VKS ngày 04/01/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo NGUYỄN KIM C về tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” theo khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo NGUYỄN KIM C phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” và áp dụng khoản 1 Điều 355; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 50, 65 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo NGUYỄN KIM C mức án từ 12 tháng đến 18 tháng tù cho hưởng án treo.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành còn đề nghị xử lý vật chứng và các vấn đề khác của vụ án như nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo.

Tại phiên tòa: Bị cáo NGUYỄN KIM C thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản Cáo trạng, bị cáo không tranh luận chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Bị hại Lê Văn T1, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Trần Tấn H1 và Thái Ngọc H2 có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa. Xét thấy, việc vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án.

[3]. Xét lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, phù hợp với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 18 tháng 5 năm 2020, tại Chi cục Thuế huyện Chơn Thành, NGUYỄN KIM C thông qua việc tiếp nhận hồ sơ kê khai thuế nhằm chiếm đoạt số tiền 2.000.000 đồng của ông Lê Văn T1. Như vậy, hành vi của NGUYỄN KIM C đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản” Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng quy định pháp luật.

Điều 355: Tội Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản:

“1. Người nào lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 100.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 06 năm:

a) Đã bị xử lý kỷ luật về hành vi này mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về một trong các tội quy định tại Mục 1 Chương này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm.

....

5. Người phạm tội còn bị cấm đảm nhiệm chức vụ nhất định từ 01 năm đến 05 năm, có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.”

[3]. Hành vi lạm dụng là công chức chi cục Thuế, lợi dụng việc tiếp nhận hồ sơ kê khai thuế chiếm đoạt tiền của công dân đã xâm phạm đến hoạt động đúng đắn của cơ quan, tổ chức; ngoài ra còn xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo hộ; hành vi này là nguy hiểm cho xã hội. Bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp; bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự; đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình nên phải chịu trách nhiệm hình sự.

[4]. Về tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[4.1]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

[4.2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho người bị hại. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5]. Từ phân tích trên, xét bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, số tiền bị cáo chiếm đoạt không lớn, bị cáo có nơi cư trú ổn định, không cần thiết phải cách ly ra khỏi xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là không nguy hại cho xã hội cũng không ảnh hưởng đến công tác đấu tranh phòng chống tội phạm.

Đề nghị của đại diện VKS tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[6]. Về vật chứng: 01 tH2 giấy Carton bên trong chứa biên lai thu thuế (đã niêm phong); 01 tH2 giấy Carton bên trong chứa tờ khai thuế, biên bản làm việc, giấy chứng nhận đăng ký thuế (đã niêm phong) là tài liệu của cơ quan thuế nên trả lại cho Chi cục Thuế huyện Chơn Thành.

Đối với số tiền 3.400.000 đồng không liên quan đến vụ án nên trả lại cho ông Lê Văn T1 số tiền 2.000.000 đồng; Trả lại cho bị cáo NGUYỄN KIM C số tiền 1.400.000 đồng.

[7]. Các vấn đề khác của vụ án:

Trong vụ án này, còn xác định NGUYỄN KIM C ghi sẵn nội dung vào tờ khai thuế và biên bản làm việc để hợp thức hóa việc xác định doanh thu thực tế của cơ sở kinh doanh là không đúng so với quy định về quản lý thuế và việc lưu trữ biên lai thu thuế tại nhà riêng. Tuy nhiên, Cơ quan điều tra không chứng minh được hành vi có vụ lợi nên chưa đủ cơ sở xem xét xử lý.

Đối với ông Trần Tấn H1 và Thái Ngọc H2 không biết, không tham gia, bàn bạc với NGUYỄN KIM C trong việc chiếm đoạt tiền của Lê Văn T1 nên không có xem xét xử lý.

[8]. Án phí hình sự sơ thẩm bị cáo phải chịu theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 355; điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017;

1. Tuyên bố bị cáo NGUYỄN KIM C phạm tội “Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo NGUYỄN KIM C 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/4/2021.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì phải thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự;

Trả lại cho Chi cục thuế huyện Chơn Thành: 01 tH2 giấy Carton bên trong chứa biên lai thu thuế (đã niêm phong); 01 tH2 giấy Carton bên trong chứa tờ khai thuế, biên bản làm việc, giấy chứng nhận đăng ký thuế (đã niêm phong).

Trả lại cho ông Lê Văn T1 số tiền 2.000.000 đồng;

Trả lại cho bị cáo NGUYỄN KIM C số tiền 1.400.000 đồng.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Bị cáo NGUYỄN KIM C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo NGUYỄN KIM C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKSND huyện Chơn Thành;
- CCTHADS huyện Chơn Thành;
- CA huyện Chơn Thành;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Đình Loan

HỘI THẨM NHÂN DÂN

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Xuân Đính – Nguyễn Văn Khoản

Nguyễn Đình Loan

